TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 93/2023/HNGĐ – ST
Ngày: 14/12/2023
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Chinh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thành Vui
2. Bà Trần Xuân Đạm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh: Ông Cao Thanh Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 420/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1979 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 4, ấp 4, xã LT, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Ông Võ Anh T2, sinh năm: 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
HKTT: Trà Thanh, Lồ Ô, xã T A, huyện HQ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Bà T1 và ông Võ Anh T2 tự nguyện chung sống với nhau năm 2003, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm, tính tình không hợp và ly thân từ đó đến nay. Nay không thể trở lại sống chung được nữa nên bà T1 xin ly hôn với ông T2.

Về con chung: Có 01 con tên Võ Bình A, sinh năm 2004, đã chết. Hiện nay không có con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ: Không có.

Bị đơn ông Võ Anh T2 trình bày có trong hồ sơ:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất về quan hệ hôn nhân, thời gian phát sinh mâu thuẫn như bà T1 trình bày. Nay ông T2 cũng đồng ý ly hôn với bà T1.

Về con chung: Có 01 con tên Võ Bình A, sinh năm 2004, đã chết. Hiện nay không có con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ: Không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị không công nhận bà T1 và ông T2 là vợ chồng.

Về con chung: Không có nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không có nên giải quyết.

Về nợ: Bà T1 và ông T2 không nợ ai và cũng không ai nợ lại

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết ly hôn với ông Võ Anh T2 nên vụ án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Võ Anh T2 cư trú tại huyện HQ, tỉnh Bình Phước nhưng bà T1 và ông T2 có văn bản thỏa thuận lựa chọn thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, ông Võ Anh T2 vắng mặt, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt theo quy định và ông T2 có đơn xin vắng. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T1 và ông Võ Anh T2 tự nguyện chung sống với nhau năm 2003, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm, tính tình không

hợp và ly thân từ đó đến nay. Nay bà T1 yêu cầu được ly hôn với ông T2. Ông T2 cũng đồng ý ly hôn. Tại công văn số 66/UBND ngày 13/10/2023 của UBND xã LT, huyện Lộc Ninh về việc trả lời yêu cầu trích lục kết hôn của bà T1, nội dung sổ bộ lưu trữ tại UBND xã LT năm 2003 không có tên của bà T1 và ông T2 nên không trích lục được.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...".* Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; Nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".* Vì vậy Hội đồng xét xử không công nhận bà T1 và ông T2 là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Không có nên không giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà T1 và ông T2 không nợ ai và không ai nợ lại.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà T1 phải chịu số tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng).*

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T1.

Tuyên bố:

1. Không công nhận bà Nguyễn Thị T1 và ông Võ Anh T2 là vợ chồng.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà T1 chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí Hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010845 ngày 22 tháng 11 năm 2023.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kiều Chinh

Nơi nhận :
- *TAND tỉnh Bình Phước*
- *VKS huyện Lộc Ninh*
- *Các đương sự.*
- *UBND xã Lộc Thái*
- *THA DS huyện Lộc Ninh*
- *Lưu hồ sơ*